

NGHIÊN CỨU VAI TRÒ CỦA SƠ ĐỒ TƯ DUY TRONG VIỆC NÂNG CAO KHẢ NĂNG ĐỌC HIỂU TÁC PHẨM VĂN HỌC ANH CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

NGUYỄN THỊ KIỀU LÊ
Khoa Ngôn ngữ Anh,
Trường Ngoại ngữ và Khoa học xã hội,
Đại học Phenikaa

Ngày nhận bài 02/02/2026. Sửa chữa xong 06/03/2026. Duyệt đăng 15/03/2026.

Abstract

Teaching English literature at the tertiary level often presents considerable challenges due to the abstract nature of literary works and their complex narrative structures. In this study, the author evaluates the effectiveness of mind maps in enhancing students' literary reading comprehension through a quasi-experimental study involving 68 English-major students. The study was conducted over a ten-week period. The findings indicate notable improvements in students' comprehension levels as well as positive changes in their learning attitudes, thereby demonstrating that mind maps are an effective tool for teaching and learning English literature.

Keywords: English literature, English majors, literature comprehension, mind maps, quasi-experimental design.

1. Đặt vấn đề

Việc dạy và học văn học Anh ở bậc đại học là một thách thức đối với cả giảng viên (GV) và sinh viên (SV). Khác với các học phần kỹ năng ngôn ngữ, môn Văn học yêu cầu người học tiếp cận các tầng nghĩa trừu tượng, biểu tượng nghệ thuật, cấu trúc phức tạp và nhiều biện pháp tu từ. Theo Carter và Long (1991) [5, tr. 3], học văn học không chỉ nhằm hiểu nội dung văn bản mà còn phát triển năng lực diễn giải và tư duy phản biện. Tuy nhiên, nhiều SV chuyên ngành Tiếng Anh gặp khó khăn trong việc liên kết các chi tiết để hình thành cách hiểu tổng thể; phương pháp ghi chép truyền thống thường chưa đủ hỗ trợ xử lý thông tin đa chiều. Trong bối cảnh đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, sơ đồ tư duy (SĐTD) được xem là công cụ trực quan hỗ trợ tổ chức kiến thức. Theo Buzan (2006) [4, tr. 59], SĐTD giúp thể hiện mối quan hệ giữa các ý tưởng thông qua cấu trúc phân nhánh, từ khóa và hình ảnh, khuyến khích người học tham gia tích cực vào quá trình kiến tạo tri thức. Dù nhiều nghiên cứu đã chứng minh hiệu quả của SĐTD trong dạy kỹ năng viết và từ vựng, nghiên cứu thực nghiệm về ứng dụng công cụ này trong học phần Văn học Anh ở bậc đại học vẫn còn hạn chế. Xuất phát từ những khoảng trống nghiên cứu và nhu cầu thực tiễn nêu trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá vai trò của SĐTD trong việc nâng cao khả năng đọc hiểu văn bản văn học của SV chuyên ngành Tiếng Anh. Cụ thể, nghiên cứu hướng đến hai mục tiêu chính: 1) Xác định mức độ cải thiện khả năng đọc hiểu Văn học Anh của SV khi áp dụng SĐTD trong quá trình học; 2) Khám phá thái độ của SV đối với việc sử dụng SĐTD trong học phần Văn học Anh. Từ đó, nghiên cứu đặt ra hai câu hỏi sau: 1) Việc sử dụng SĐTD ảnh hưởng như thế nào đến khả năng đọc hiểu tác phẩm Văn học Anh của SV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh?; 2) SV có thái độ như thế nào đối với việc sử dụng SĐTD trong học phần Văn học Anh?

Thông qua việc trả lời các câu hỏi này, nghiên cứu kỳ vọng đóng góp bằng chứng thực nghiệm cho lĩnh vực giảng dạy Văn học Anh ở bậc đại học, đồng thời đề xuất một hướng tiếp cận trực quan và mang tính ứng dụng cao trong đào tạo SV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh.

Email: le.nguyenthikieu@phenikaa-uni.edu.vn

2. Tổng quan tài liệu về vấn đề nghiên cứu

2.1. Đọc hiểu văn học Anh bậc giáo dục đại học

Việc đọc hiểu tác phẩm văn học ở bậc đại học không chỉ dừng ở việc hiểu được cốt truyện hay đặc điểm nhân vật mà còn đòi hỏi SV phân tích biểu tượng, cấu trúc trần thuật, biện pháp tu từ, chủ đề và các yếu tố văn học khác. Theo Rosenblatt (1978) [9, tr. 12], đọc hiểu văn học là quá trình tương tác giữa người đọc và văn bản, trong đó ý nghĩa được kiến tạo thông qua trải nghiệm, kiến thức và phản hồi của người đọc. Vì vậy, đọc tác phẩm văn học không phải là tiếp nhận thụ động mà là hoạt động tư duy tích cực. Đối với SV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh học Văn học Anh, yêu cầu này càng cao khi họ phải tiếp cận văn bản bằng ngôn ngữ thứ hai, đồng thời xử lý các yếu tố như cấu trúc trần thuật phi tuyến tính, nhiều giọng kể và hệ thống biểu tượng và chủ đề mang nhiều tầng nghĩa. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm cho thấy SV thường gặp khó khăn trước các khái niệm trừu tượng và cách diễn đạt giàu tính văn chương, do đó cần vận dụng kỹ năng tư duy bậc cao để giải quyết những tầng nghĩa phức tạp.

2.2. Sử dụng sơ đồ tư duy như một phương pháp sư phạm

Sơ đồ tư duy do Tony Buzan (1993) [3, tr. 1] đề xuất là kỹ thuật trực quan hóa ý tưởng xoay quanh một chủ đề trung tâm thông qua các nhánh, từ khóa, hình ảnh và màu sắc. Công cụ này thể hiện mối quan hệ thứ bậc giữa các ý tưởng và phản ánh cách thức liên tưởng của não bộ, từ đó hỗ trợ việc học hiệu quả hơn. Hiệu quả của SĐTD có thể được lý giải từ một số cơ sở lý thuyết: 1) Thuyết Mã hóa Kép của Paivio (1986) [7, tr. 53] cho rằng thông tin được trình bày đồng thời bằng ngôn ngữ và hình ảnh sẽ tăng khả năng ghi nhớ; SĐTD kết hợp từ khóa và biểu diễn không gian nên phù hợp với cơ chế này; 2) Theo Thuyết Lược đồ của Anderson (1984) [1, tr. 136-145], việc hiểu thông tin mới phụ thuộc vào khả năng liên kết với cấu trúc kiến thức sẵn có; SĐTD giúp người học tổ chức và kết nối các lược đồ một cách rõ ràng; 3) Dưới góc nhìn Kiến tạo của Piaget (1970) [8, tr. 703], người học chủ động kiến tạo tri thức thông qua tương tác và phản tư; quá trình xây dựng SĐTD yêu cầu lựa chọn, phân loại và thiết lập mối quan hệ giữa các ý tưởng, qua đó thúc đẩy sự tham gia tích cực. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm trong các lĩnh vực khác nhau cho thấy SĐTD cải thiện khả năng ghi nhớ, hiểu và tổ chức thông tin nhờ trực quan hóa tiến trình tư duy và giảm tải nhận thức. Trong bối cảnh ESL, SĐTD được ứng dụng rộng rãi trong dạy viết, phát triển từ vựng và đọc hiểu (Buran & Filyukov, 2015) [2, tr. 215-218]. SV sử dụng SĐTD thường thể hiện khả năng tổ chức ý tưởng mạch lạc và phát triển vốn từ tốt hơn so với phương pháp ghi chép tuyến tính. Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu tập trung vào văn bản thuyết minh và nghị luận, trong khi văn bản văn học với đặc trưng biểu tượng và tính đa nghĩa lại ít được khảo sát. Do đó, cần có thêm nghiên cứu chuyên sâu về hiệu quả của SĐTD trong dạy và học Văn học Anh.

2.3. Sử dụng sơ đồ tư duy trong giảng dạy Văn học Anh

So với lĩnh vực viết và từ vựng, nghiên cứu thực nghiệm về ứng dụng SĐTD trong giảng dạy Văn học còn hạn chế. Những nghiên cứu hiện có cho thấy SĐTD giúp SV hình dung mối quan hệ giữa nhân vật, sự phát triển chủ đề và tiến trình cốt truyện. Việc xây dựng sơ đồ về mô-típ và biểu tượng hỗ trợ người học nhận ra cách tác giả kết hợp các yếu tố nghệ thuật để truyền tải thông điệp (Goodnough & Woods, 2002) [6, tr. 5-19]. Trong thực tiễn lớp học, SĐTD có thể được sử dụng trước, trong và sau khi đọc. Trước khi đọc, công cụ này giúp kích hoạt kiến thức nền và định hướng chú ý. Trong khi đọc, SV có thể ghi lại các chi tiết quan trọng và mối liên hệ giữa chúng. Sau khi đọc, SĐTD hỗ trợ tổng hợp chủ đề và hệ thống hóa nội dung tác phẩm. Quá trình cùng nhau xây dựng SĐTD còn thúc đẩy thảo luận, trao đổi quan điểm và phát triển kỹ năng phân tích. Từ các cơ sở lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm nêu trên có cơ sở để đưa ra giả thuyết rằng việc tích hợp SĐTD vào giảng dạy Văn học có thể giúp SV cải thiện khả năng đọc hiểu và kỹ năng phân tích. Hơn nữa, nhiều khả năng SV sẽ có thái độ tích cực đối với việc sử dụng SĐTD vì họ sẽ thấy đây là một công cụ hữu ích và thú vị.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng thiết kế bán thực nghiệm với mô hình nhóm đối chứng có tiền kiểm - hậu

kiểm nhằm xem xét tác động của SĐTD đối với khả năng hiểu văn học của SV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Phương pháp bán thực nghiệm được lựa chọn để phù hợp với bối cảnh của cơ sở đào tạo nơi tác giả tiến hành nghiên cứu. Phương pháp này cho phép so sánh giữa một nhóm thực nghiệm được áp dụng SĐTD trong giờ học Văn học Anh và một nhóm đối chứng được giảng dạy Văn học Anh theo phương pháp nghe chép truyền thống. Biến độc lập của nghiên cứu là việc sử dụng SĐTD như một chiến lược giảng dạy trong các lớp Văn học Anh. Các biến phụ thuộc bao gồm: 1) Khả năng đọc hiểu văn học của SV; 2) Thái độ của SV đối với việc sử dụng SĐTD trong học phần Văn học Anh. Nghiên cứu kéo dài 10 tuần, được xem là đủ để quan sát những thay đổi có thể đo lường được về khả năng đọc hiểu văn học và nhận thức của SV về ứng dụng của phương pháp này.

Thiết kế nghiên cứu này phù hợp với khung lý thuyết được trình bày trong phần tổng quan tài liệu phía trên. Bằng cách tích hợp giữa hình ảnh và ngôn ngữ cùng với việc xây dựng sơ đồ khái niệm có cấu trúc, SĐTD đã vận dụng các nguyên lý xuất phát từ Thuyết kiến tạo, Thuyết Mã hóa Kép và Thuyết Lược đồ.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu bao gồm 68 SV năm thứ ba năm học 2025-2026 chuyên ngành Ngôn ngữ Anh đang theo học học phần Văn học Anh bắt buộc tại một trường đại học ở Việt Nam (Đại học Phenikaa). Các SV thuộc hai lớp học phần Văn học Anh: 34 SV thuộc nhóm thực nghiệm và 34 SV thuộc nhóm đối chứng. Tất cả các đối tượng tham gia đều đã hoàn thành các khóa học nền tảng về thực hành tiếng, đặc biệt là kỹ năng đọc và viết. Trình độ thông thạo tiếng Anh của các nhóm SV này được đánh giá ở mức trung cấp trên đến trên trung cấp (intermediate to upper- intermediate). Hai nhóm có sự tương đồng về độ tuổi, nền tảng học vấn và kinh nghiệm học văn học trước đó. Một bài kiểm tra tiền thực nghiệm (pretest) đã được thực hiện để xác nhận rằng không có sự khác biệt đáng kể về khả năng đọc hiểu văn học giữa hai nhóm trước khi tiến hành can thiệp.

3.3. Công cụ nghiên cứu

Ba công cụ chính đã được sử dụng trong nghiên cứu này gồm: 1) Bài kiểm tra đọc hiểu văn học: Một bài kiểm tra đọc hiểu văn học Anh do tác giả thiết kế đã được sử dụng làm bài kiểm tra đầu vào (pretest) và đầu ra (posttest) (với các phiên bản tương đương). Bài kiểm tra bao gồm các câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi trả lời ngắn và các mục phản hồi phân tích nhằm đánh giá mức độ hiểu biết của SV về chủ đề, biểu tượng, sự phát triển nhân vật, cấu trúc tường thuật và diễn giải trong tác phẩm văn học Anh; 2) Phiếu khảo sát thái độ của SV: Một bảng hỏi (Questionnaire) đã được gửi đến nhóm thực nghiệm vào cuối đợt can thiệp để tìm hiểu quan điểm của SV về việc sử dụng SĐTD (mind maps) trong giờ Văn học Anh. Phiếu khảo sát bao gồm các câu hỏi theo thang đo Likert (từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý) và các câu hỏi mở, tập trung vào mức độ tương tác, tính hữu ích của SĐTD mà SV cảm nhận được, sự rõ ràng trong tổ chức của SĐTD và trải nghiệm học tập tổng thể; 3) Quan sát lớp học và sản phẩm SĐTD của SV: Nhằm bổ sung cho các kết quả định lượng, hoạt động quan sát lớp học đã được tiến hành xuyên suốt quá trình can thiệp. Các SĐTD do SV tạo ra trong quá trình can thiệp đã được thu thập như dữ liệu định tính bổ sung. Những sản phẩm này cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách SV tổ chức sắp xếp các yếu tố văn học như chủ đề, biểu tượng, nhân vật, bối cảnh và các cấu trúc tường thuật cũng như các biện pháp nghệ thuật trong tác phẩm.

3.4. Quy trình nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trong vòng 10 tuần thuộc một học kỳ chính quy. Cả hai nhóm đều học các văn bản văn học giống nhau (bao gồm truyện ngắn và các đoạn trích tiểu thuyết tuyển chọn trong giáo trình) và được giảng dạy bởi cùng một GV nhằm kiểm soát các biến số liên quan đến người dạy.

Ở nhóm đối chứng (Control group): Việc giảng dạy tuân theo các phương pháp truyền thống, bao gồm giảng bài do giáo viên hướng dẫn, thảo luận có định hướng và ghi chép tuyến tính. SV phân tích cốt truyện, nhân vật, biểu tượng, chủ đề và các biện pháp nghệ thuật thông qua các bài giảng và thảo luận trên lớp.

Ở nhóm thực nghiệm (Experimental group): SĐTD (mind mapping) được tích hợp một cách hệ thống vào quá trình giảng dạy. Khi bắt đầu quá trình can thiệp, SV được tham gia một buổi hướng dẫn về cách xây dựng SĐTD hiệu quả, bao gồm việc xác định các chủ đề trung tâm, sắp xếp các chủ đề phụ và minh họa mối quan hệ giữa các yếu tố văn học.

Trong quá trình tìm hiểu tác phẩm văn học: - Giai đoạn trước khi đọc: SV tạo các SĐTD sơ bộ để kích hoạt kiến thức nền và dự đoán các chủ đề; - Giai đoạn trong khi đọc: SV cập nhật sơ đồ để ghi lại các diễn biến chính của cốt truyện, đặc điểm nhân vật, biểu tượng và mô-típ; - Giai đoạn sau khi đọc: SV điều chỉnh và mở rộng sơ đồ để tổng hợp các cách giải thích chủ đề và phân tích văn bản.

Sinh viên làm việc cá nhân và theo nhóm để xây dựng SĐTD nhằm khuyến khích sự tham gia tích cực và thảo luận với nhau về mặt ý nghĩa. GV đã cung cấp những hướng dẫn ban đầu về cách xây dựng SĐTD hiệu quả, bao gồm việc sử dụng từ khóa, các nhánh phân cấp và các yếu tố hình ảnh. GV đóng vai trò hỗ trợ thảo luận và đưa ra phản hồi về cách sắp xếp tổ chức các ý trong SĐTD. Dần dần, SV được khuyến khích phát triển phong cách lập SĐTD riêng nhằm nâng cao sự hiểu biết và có cách diễn giải ý nghĩa văn học theo tư duy của mình.

3.5. Thu thập dữ liệu

Dữ liệu được thu thập qua ba giai đoạn: - Giai đoạn tiền can thiệp: Thực hiện bài kiểm tra tiền đề (pretest) về đọc hiểu tác phẩm văn học cho cả hai nhóm; - Giai đoạn can thiệp: Thu thập dữ liệu theo quan sát tại lớp học và các sản phẩm bản đồ tư duy của SV (chỉ áp dụng với nhóm thực nghiệm); - Giai đoạn sau can thiệp: Thực hiện bài kiểm tra sau can thiệp (posttest) cho cả hai nhóm và gửi bảng câu hỏi khảo sát về nhận thức của SV cho nhóm thực nghiệm.

Tất cả dữ liệu định lượng và định tính đều được mã hóa ẩn danh để đảm bảo tính bảo mật.

3.6. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng từ bài kiểm tra tiền đề và sau can thiệp được phân tích bằng phần mềm thống kê. Thống kê mô tả (điểm trung bình và độ lệch chuẩn) được tính toán để xác định các xu hướng hiệu suất tổng thể. Một phép thử kiểm định T cho hai mẫu độc lập (Independent Samples T-test) đã được thực hiện để so sánh điểm hậu kiểm giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Phép thử kiểm định T theo cặp (Paired Samples T-test) được sử dụng để xem xét sự tiến bộ trong nội bộ từng nhóm.

Dữ liệu từ bảng câu hỏi được phân tích bằng thống kê mô tả để xác định thái độ chung đối với việc lập bản đồ tư duy. Điểm trung bình được tính cho từng mục trong bảng câu hỏi. Các câu trả lời cho câu hỏi mở được phân tích theo chủ đề để xác định các ý kiến của SV liên quan đến nhận thức về sự rõ ràng trong việc hiểu bài, cải thiện khả năng ghi nhớ, tăng cường mức độ tương tác, khả năng phát triển tư duy phân tích và những khó khăn trong việc tổ chức các ý tưởng phức tạp dưới dạng trực quan.

Dữ liệu định tính từ việc quan sát lớp học và các SĐTD do SV tạo ra đã được xem xét để đối chiếu và kiểm chứng kết quả (triangulate findings). Phân tích định tính các bản đồ tư duy của SV tập trung vào cấu trúc tổ chức, sự tích hợp chủ đề và cách thể hiện các yếu tố văn học.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả định lượng

Để xem xét tác động của SĐTD đối với khả năng đọc hiểu văn học của SV, điểm bài kiểm tra trước (pre-test) và sau (post-test) khi áp dụng phương pháp SĐTD của cả nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng đã được phân tích. Trước khi tiến hành can thiệp, kết quả pre-test cho thấy hầu như không có sự khác biệt giữa hai nhóm, xác nhận rằng hai nhóm tương đương nhau về năng lực đọc hiểu văn học ban đầu.

Sau 10 tuần giảng dạy, những khác biệt rõ rệt đã xuất hiện. Nhóm thực nghiệm, được học theo phương pháp sử dụng SĐTD cho thấy sự cải thiện rõ ràng về điểm post-test so với kết quả pre-test. Điểm trung bình tăng đáng kể cho thấy SV đã nâng cao khả năng đọc hiểu cấu trúc cốt truyện, sự phát triển chủ đề, biểu tượng và phân tích nhân vật cũng như các chi tiết trong tác phẩm. Ngược lại, mặc dù nhóm đối chứng cũng có sự cải thiện nhẹ, mức tăng này khiêm tốn hơn.

Bảng 1: So sánh điểm trung bình bài kiểm tra trước tác động (Pre-test) và sau tác động (Post-test) của hai nhóm nghiên cứu

Nhóm	Điểm Pre-test	Điểm Post-test	Mức độ tăng
Nhóm thực nghiệm (SĐTD)	6.5	8.8	+2.3
Nhóm đối chứng (Truyền thống)	6.4	7.2	+0.8

Kiểm định t cho hai mẫu độc lập (independent-samples t-test) khi so sánh kết quả post-test cho thấy nhóm thực nghiệm đạt kết quả cao hơn nhóm đối chứng ở mức đáng kể. Điều này cho thấy việc tích hợp SĐTD vào giảng dạy Văn học có tác động tích cực rõ rệt đến khả năng đọc hiểu văn bản văn học của SV.

*Bảng 2: So sánh kết quả giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng
(Kiểm định t cho hai mẫu độc lập (Post-test))*

Nhóm	Số lượng (N)	Trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Giá trị t	Mức ý nghĩa (p)
Thực nghiệm	34	8.45	0.85	4.21	< .001
Đối chứng	34	7.12	1.10		

Kiểm định t cho hai mẫu phụ thuộc (paired-samples t-test) cũng xác nhận rằng sự tiến bộ của nhóm thực nghiệm từ pre-test đến post-test là đáng kể:

Bảng 3: So sánh sự tiến bộ của nhóm thực nghiệm Kiểm định t cho hai mẫu phụ thuộc (Pre-test và Post-test)

Thời điểm	Số lượng (N)	Trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Giá trị t	Bậc tự do (df)	Mức ý nghĩa (p)
Bài kiểm tra trước tác động (Pre-test)	34	5.20	1.15	-12.45	33	< .001
Bài kiểm tra sau tác động (Post-test)	34	8.45	0.85	34		

Ngoài điểm số tổng thể, phân tích các thành phần cụ thể của bài kiểm tra cho thấy SV trong nhóm thực nghiệm thể hiện đặc biệt tốt ở phần viết đoạn văn phân tích. Các bài làm của họ thể hiện sự tổ chức ý tưởng rõ ràng hơn, sự liên kết chủ đề mạch lạc hơn và khả năng tích hợp dẫn chứng từ văn bản hiệu quả hơn. Những phát hiện này ủng hộ giả thuyết rằng SĐTD không chỉ nâng cao mức độ hiểu ở mức cơ bản mà còn phát triển các kỹ năng phân tích cao hơn.

Dữ liệu từ bảng hỏi theo thang đo Likert cũng cho thấy những xu hướng tích cực. Phần lớn SV trong nhóm thực nghiệm đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng SĐTD giúp họ hiểu văn bản văn học rõ ràng hơn, ghi nhớ ý chính hiệu quả hơn và tổ chức suy nghĩ một cách logic. Mức độ đồng thuận cao cũng được ghi nhận ở các mục liên quan đến động lực và sự hứng thú học tập cho thấy SĐTD góp phần tạo nên một môi trường học tập tương tác và tạo động lực cho SV hơn.

Nhìn chung, các kết quả định lượng cung cấp bằng chứng mạnh mẽ rằng SĐTD có ảnh hưởng tích cực đến khả năng hiểu văn học và sự tham gia học tập của SV trong học phần Văn học Anh ở bậc đại học.

4.2. Kết quả định tính

Dữ liệu định tính được thu thập thông qua các câu trả lời từ bảng hỏi và phân tích ý kiến của SV.

4.2.1. Nhận thức của sinh viên về lợi ích khi sử dụng sơ đồ tư duy

Phân tích câu trả lời của SV cho thấy lợi ích được đề cập nhiều nhất là sự cải thiện khả năng đọc hiểu tác phẩm. Nhiều SV cho biết SĐTD giúp họ “hiểu tác phẩm văn học rõ hơn”, “nhìn thấy mối liên hệ giữa chủ đề và nhân vật”, và “hình dung được cấu trúc cốt truyện phức tạp”. Điều này cho thấy SĐTD đã hỗ trợ SV trong việc tổ chức các yếu tố văn học ở mức độ sâu hơn. Một lợi ích nổi bật khác là khả năng ghi nhớ được nâng cao. SV cho biết SĐTD giúp họ “ghi nhớ ý chính tốt hơn”, “tóm tắt thông tin nhanh hơn” và “nhớ lâu hơn”. Hình thức trực quan và có cấu trúc của SĐTD đã hỗ trợ SV trong việc ghi nhớ thông tin, đặc biệt trong quá trình ôn thi. Khả năng tổ chức ý tưởng cũng được nhấn mạnh trong câu trả lời. SV nhận xét rằng SĐTD giúp họ “sắp xếp ý tưởng rõ ràng”, “tóm tắt toàn bộ bài học” và “chuẩn bị ý để phân tích cho bài luận”. Điều này phù hợp với kết quả định lượng cho thấy nhóm thực nghiệm có

kết quả tốt hơn trong các bài yêu cầu phân tích. Về hoạt động học tập, SV cho biết SĐTD hữu ích nhất trong các nhiệm vụ đọc và viết. Một số câu trả lời nêu rõ rằng SĐTD giúp họ dễ hiểu văn bản hơn khi đọc và tổ chức ý tưởng trước khi viết bài luận. Một số SV cũng đề cập đến lợi ích của SĐTD trong thuyết trình và thảo luận trên lớp.

4.2.2. Nhận thức của sinh viên về khó khăn khi sử dụng sơ đồ tư duy

Mặc dù có nhiều phản hồi tích cực, SV cũng chỉ ra một số thách thức. Khó khăn phổ biến nhất là việc lựa chọn thông tin trọng tâm. Nhiều SV cho biết khi thiết lập SĐTD thì họ “khó chọn ý chính”, “khó tóm tắt” hoặc gặp khó khăn trong việc quyết định nên đưa nội dung nào vào, đặc biệt khi xử lý những văn bản dài hoặc phức tạp. Điều này cho thấy mặc dù SĐTD thúc đẩy tư duy bậc cao, nó cũng đòi hỏi kỹ năng tóm tắt cần phát triển. Yếu tố tốn thời gian cũng là một thách thức với SV. Một số SV cho biết việc tạo SĐTD ban đầu mất khá nhiều thời gian. Một vài SV đề cập đến các vấn đề thực tế như không đủ không gian để ghi dẫn chứng chi tiết hoặc khó tích hợp các trích dẫn dài vào trong sơ đồ. Tuy nhiên, một số ít SV cho biết họ không gặp khó khăn đáng kể và có một ý kiến nhấn mạnh rằng hiệu quả của phương pháp có thể phụ thuộc vào phong cách học tập cá nhân.

4.2.3. Đề xuất cải thiện

Sinh viên đã đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng SĐTD trong các học phần văn học. Các đề xuất bao gồm: dành thêm thời gian thực hành trên lớp, khuyến khích sử dụng các công cụ vẽ SĐTD kỹ thuật số, kết hợp hình vẽ hoặc ký hiệu để tăng khả năng ghi nhớ và thúc đẩy sự sáng tạo. Một số SV cũng cho rằng việc vẽ SĐTD sau khi hoàn thành một chủ đề giúp củng cố kiến thức hiệu quả. Nhìn chung, kết quả định tính củng cố các phát hiện định lượng khi cho thấy SV nhận thức SĐTD là hữu ích đối với khả năng hiểu, tổ chức ý tưởng và ghi nhớ. Mặc dù có một số khó khăn được xác định, chúng chủ yếu liên quan đến giai đoạn thích nghi ban đầu và phát triển kỹ năng, hơn là những hạn chế của phương pháp. Như vậy, cả bằng chứng định lượng và định tính đều cho thấy SĐTD đã đóng góp tích cực vào khả năng hiểu văn học, mức độ tham gia và năng lực phân tích của SV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, qua đó ủng hộ các giả thuyết nghiên cứu đã đặt ra.

5. Kết luận

Nghiên cứu khẳng định việc tích hợp SĐTD trong giảng dạy đã cải thiện đáng kể khả năng đọc hiểu văn học của SV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Dựa trên thuyết Kiến tạo, Mã hóa kép và Lược đồ, phương pháp này khuyến khích người học chủ động kiến tạo tri thức thay vì tiếp nhận thụ động. Sự kết hợp giữa ngôn ngữ và hình ảnh trực quan giúp giảm tải nhận thức, tăng khả năng liên kết ý tưởng và củng cố trí nhớ dài hạn. Kết quả định tính cho thấy đa số SV có thái độ tích cực với SĐTD, đánh giá cao tính hệ thống và hiệu quả ôn tập, đặc biệt trong phân tích cốt truyện, chủ đề và biểu tượng. Nhiều ý kiến của SV cho rằng việc tự thiết kế sơ đồ giúp hiểu sâu tác phẩm và phát triển tư duy phản biện. Nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm quan trọng, góp phần thúc đẩy đổi mới giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm trong giáo dục đại học. Việc áp dụng SĐTD không chỉ nâng cao năng lực phân tích văn bản của SV mà còn rèn luyện tính chủ động và khả năng tự học. Vì vậy, GV nên triển khai SĐTD có hệ thống ở ba giai đoạn: trước, trong và sau khi đọc, đồng thời kết hợp linh hoạt công cụ số để tăng tính tương tác và hiệu quả trong bối cảnh dạy học hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Anderson, R. C. (2018). *Role of the reader's schema in comprehension, learning, and memory*. In *Theoretical models and processes of literacy*. Routledge, pp. 136-145.
- [2] Buran, A., & Filyukov, A. (2015). *Mind mapping technique in language learning*. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, No 206, pp. 215-218.
- [3] Buzan, T. (1993). *The mind map book*. BBC Books.
- [4] Buzan, T. (2006). *The mind map book: Unlock your creativity, boost your memory, change your life*. BBC Active.
- [5] Carter, R., & Long, M. N. (1991). *Teaching literature*. Longman
- [6] Goodnough, K., & Woods, R. (2002). *Student and teacher perceptions of mind mapping: A middle school case study*. *Educational Review*, 54(1), 5-19.
- [7] Paivio, A. (1986). *Mental representations: A dual coding approach*. Oxford University Press.
- [8] Piaget, J. (1970). *Science of education and the psychology of the child*. Orion Press. [9] Rosenblatt, L. M. (1978). *The reader, the text*,